

Số: 64/2019/QĐST-DS

Chủ Prông, ngày 02 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 125/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, phường T, Quận B, TP. H.

Đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc K, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Ngân hàng N.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1966.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện CPr, tỉnh G.

Đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Bá Nh là ông Trần Đức T, sinh năm 1978. Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện CPr, tỉnh G.

Địa chỉ: đường Trần Hưng Đ, thị trấn CPr, huyện CPr, tỉnh G.

Bị đơn: ông Phạm Công S, sinh năm 1975.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện CPr, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về khoản nợ: ông Phạm Công S công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – chi nhánh huyện CPr số tiền gốc là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi suất tính đến ngày 21/11/2019 số tiền lãi là 429.384.375đ (Bốn trăm hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 21/11/2019 là: 1.779.384.375 (Một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Về thời hạn thanh toán: ông Phạm Công S thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện CPr toàn bộ số tiền 1.779.384.375 (Một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Trong đó nợ gốc là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng với lãi suất tính đến ngày 21/11/2019 số tiền lãi là 429.384.375đ (Bốn trăm hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Thời hạn thanh toán một lần vào ngày 29/02/2020.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông S vi phạm thời hạn trả nợ thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện CPr có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông S và bà T theo hợp đồng thế chấp số 52/HĐTC ngày 03/11/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 52/PHĐ ngày 03/11/2016 được công chứng tại Ủy ban nhân dân xã G giữa ông Phạm Công S, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng N Chi nhánh huyện CPr để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là:

1/ Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 00 thuộc thửa đất số: 93; tờ bản đồ số 25, tại xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 20.628m² đất được UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 19/8/2008.

2/ Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 11 thuộc thửa đất số: 3 tờ bản đồ số 20 tại xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 9266 m² đất được UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 19/10/2011.

3/ Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 14 thuộc thửa đất số: 62b tờ bản đồ số 25 tại xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 768 m² đất được UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 22/8/2011.

4/ Quyền sử dụng đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số S38 thuộc thửa đất số: 105, 100, tờ bản đồ 20 tại xã G; huyện CPr, tỉnh G. Diện tích 8.810 m² đất được UBND huyện CPr, tỉnh G cấp ngày 09/01/2001.

Về án phí dân sự sơ thẩm: án phí của số tiền 1.779.384.375 (Một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng) là $\{(36.000.000 + (1.779.384.375đ - 800.000.000đ \times 3\%) : 2\}$ là 32.690.765đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

Bị đơn anh Phạm Công S tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.690.765đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện CPr số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 31.828.453đ (Ba mươi một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0002243 ngày 03/9/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Ngô Trung Thực